

Hóa Trung, ngày 03 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Xã Hóa Trung quý 2 năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5596/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Đông Hỷ về việc giao dự toán thu - chi ngân sách huyện Đông Hỷ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số: 1/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Hóa Trung về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Hóa Trung, huyện Đông Hỷ năm 2023;

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Hóa Trung quý 2 năm 2023, như sau:

1. Thu ngân sách xã quý 2 năm 2023:

- Thu ngân sách nhà nước đạt $136.969.502đ/665.000.000đ = 20,5\%$ dự toán giao.

- Thu ngân sách địa phương đạt $5.903.756.535/4.560.000.000đ = 129\%$ dự toán giao. Trong đó thu điều tiết ngân sách địa phương đạt $53.491.000đ/175.000.000đ = 30\%$ dự toán giao.

Một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như Thuế TNCN từ chuyển quyền đạt 40%, Thuế sử dụng đất PNN đạt 451% so với dự toán giao...

2. Chi ngân sách xã quý 2 năm 2023:

Tổng chi ngân sách đạt $2.089.580.705đ/9.123.200.000.000đ = 23\%$ dự toán. Trong đó: Chi thường xuyên: $1.230.580.705đ/4.649.100đ = 26\%$; chi đầu tư phát triển: 859.000.000đ.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2023:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách

năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ các tháng tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quý 2 năm 2023 công tác tài chính - ngân sách của xã Hóa Trung gặp phải một số khó khăn như: nhu cầu chứng chực của nhân dân không nhiều dẫn đến phí, lệ phí thấp. Nguồn thu thuế GTGT và TNCN từ kinh doanh chủ yếu dựa vào các cơ .

Trong quý 2 năm 2023, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, trong quý 2 năm 2023 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN

U b

Lê Thanh Hòa

CHỦ TỊCH UBND



Nguyễn Văn Giáp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Quý 2 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	175.000.000	5.903.756.535	3.373,58
1.	Các khoản thu 100%	43.000.000	7.146.000	16,62
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	132.000.000	46.348.011	35,11
3.	Thu chuyển nguồn		861.362.524	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.988.900.000	
	- Bổ sung cân đối ngân sách		2.196.000.000	
	- Bổ sung có mục tiêu		2.792.900.000	
II.	Tổng số chi		3.886.507.763	
1.	Chi đầu tư phát triển		1.627.200.000	
2.	Chi thường xuyên		2.259.307.763	
3.	Dự phòng			

Bộ phận tài chính, kế toán xã

U
Lê Thanh Hải

Ngày 3 tháng 7 năm 2023

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)





ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ
Quý 2 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

A	Dự toán		Ước thực hiện thu quý 2 năm 2023		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	665.000.000	4.560.000.000	5.986.962.535	5.903.756.535	129,47	900,30
I. Các khoản thu 100%	43.000.000	43.000.000	17.546.000	17.546.000	40,80	40,80
- Phí, lệ phí	33.000.000	33.000.000	15.546.000	15.546.000	47,11	47,11
+ Phí chứng thực	33.000.000	33.000.000	5.146.000	5.146.000	15,59	15,59
+ Lệ phí hộ tịch						
+ Lệ phí cư trú						
+ Lệ phí môn bài			10.400.000	10.400.000		
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	2.000.000	2.000.000	20,00	20,00
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	622.000.000	132.000.000	119.154.008	35.948.008	27,23	19,16
1. Các khoản thu phân chia	540.000.000	50.000.000	91.231.780	8.025.780	16,05	16,89
- Lệ phí trước bạ nhà đất	100.000.000	50.000.000	8.025.780	8.025.780	16,05	8,03
- Thuế thu nhập cá nhân	440.000.000		83.206.000			
+ Thuế TNCN từ SXKD	40.000.000		12.506.000			
+ Thuế TNCN từ chuyển quyền	400.000.000		70.700.000			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	82.000.000	82.000.000	27.922.228	27.922.228	34,05	34,05
- Thuế giá trị gia tăng	80.000.000	80.000.000	18.891.467	18.891.467	23,61	23,61
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	9.030.761	9.030.761	451,54	451,54
- Thu thuế đất trồng cây lâu năm						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu nộp trả ngân sách cấp trên						
V. Thu chuyển nguồn			861362527	861362527		
VI. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.385.000.000	4.988.900.000	4.988.900.000	113,77	
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.385.000.000	2.196.000.000	2.196.000.000	50,08	
- Bổ sung có mục tiêu			2.792.900.000	2.792.900.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÃN SÁCH XÃ

Quý 2 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Mã mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)
	Tổng số	DPT	TX	Tổng số	DPT	TX	
A							
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	9.123.200.000	4.474.100.000	4.649.100.000	2.089.580.705	859.000.000	1.230.580.705	26
- Chi dân quân tự vệ	616.938.000	308.469.000	308.469.000	157.301.320		157.301.320	51
- Chi trật tự an toàn xã hội	433.656.000	216.828.000	216.828.000	52.597.000		52.597.000	24
2. Chi giáo dục							
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ							
4. Chi y tế	75.096.000	37.548.000	37.548.000	9.387.000		9.387.000	13
5. Chi văn hóa, thông tin	70.000.000	35.000.000	35.000.000	3.500.000		3.500.000	5
6. Chi phát thanh, truyền hình							
7. Chi thể dục, thể thao	50.000.000	25.000.000	25.000.000	14.700.000		14.700.000	29
8. Chi bảo vệ môi trường							
9. Chi các hoạt động kinh tế	88.600.000	26.800.000	61.800.000	894.410.000	859.000.000	35.410.000	57
- Giao thông							
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	53.600.000	26.800.000	26.800.000	13.410.000		13.410.000	50
- Thị chính	35.000.000			22.000.000		22.000.000	63
- Thương mại, du lịch							
- Các hoạt động kinh tế khác							
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.354.806.000	3.677.403.000	3.677.403.000	957.685.385		957.685.385	26
Trong đó: Quỹ lương							
10.1. Quản lý Nhà nước	3.800.892.000	1.900.446.000	1.900.446.000	503.625.442		503.625.442	27
10.2. Hội đồng nhân dân	716.800.000	358.400.000	358.400.000	137.652.470		137.652.470	38
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	996.084.000	498.042.000	498.042.000	113.925.389		113.925.389	23
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	651.588.000	325.794.000	325.794.000	70.717.500		70.717.500	22
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	270.572.000	135.286.000	135.286.000	31.571.616		31.571.616	23
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	235.760.000	117.880.000	117.880.000	27.220.071		27.220.071	23
10.7. Hội Cựu chiến binh	123.492.000	61.746.000	61.746.000	13.186.500		13.186.500	21
10.8. Hội Nông dân	241.282.000	120.641.000	120.641.000	31.044.297		31.044.297	26

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	64.588.000	32.294.000	32.294.000	7.286.100		7.286.100	11		23
10.10. Hội Người cao tuổi	103.412.000	51.706.000	51.706.000	5.364.000		5.364.000	5		10
10.11. Hội khuyến học	37.584.000	18.792.000	18.792.000	4.023.000		4.023.000	11		21
10.12. Hội khác	112.752.000	56.376.000	56.376.000	12.069.000		12.069.000	11		21
11. Chi cho công tác xã hội	294.104.000	147.052.000	147.052.000						
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	274.104.000	137.052.000	137.052.000						
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác	20.000.000	10.000.000	10.000.000						
12. Chi khác	70.000.000		70.000.000						
13. Dự phòng	70.000.000		70.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 3 tháng 7 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Văn Giáp